

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H - TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lon
2. Ông Đặng Khải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H - tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh H tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 273/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91A/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị A** - Sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã H, tỉnh H. Có mặt;

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Thuộc** - Sinh năm: 1979

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã H, tỉnh H. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn B kết hôn từ năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H vào ngày 29/5/2003. Trong quá trình chung sống thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì thường phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng do vậy mà ngày càng nhạt dần. Nay, bà không còn tình cảm với ông B nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn B có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim C – Sinh ngày 08/11/2006; Nguyễn Thị Thu D – Sinh ngày 02/10/2003. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Kim C – Sinh ngày 08/11/2006. Bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Con chung Nguyễn Thị Thu D – Sinh ngày 02/10/2003 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn B để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông B không có mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 35, Điều 48, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn B đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh H vào ngày 29/5/2003 trên tinh thần tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 329, ngày 29/5/2003 nên quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, theo lời trình bày của nguyên đơn. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng càng về sau thì thường phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng do vậy mà ngày càng nhạt dần. Nay bà không còn tình cảm với ông B nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B. Ông B đã được Tòa án đã triệu tập nhiều lần đến Tòa lấy lời khai, hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông B cố tình vắng mặt. Như vậy, ông B đã từ bỏ quyền lợi của mình, không có thiện chí muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà B. Xét thấy, bà A đã không còn tình cảm với ông B. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị A là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn B có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim C – Sinh ngày 08/11/2006 và Nguyễn Thị Thu D – Sinh ngày 02/10/2003. Ly hôn, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Kim C – Sinh ngày 08/11/2006 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Ông B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để thực hiện quyền yêu cầu về việc nuôi con chung. Xét yêu cầu của bà A và xét nguyện vọng của cháu C muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung Nguyễn Thị Kim C – Sinh ngày 08/11/2006 cho bà A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp và đảm bảo được quyền lợi cho cháu. Con chung Nguyễn Thị Thu D – Sinh ngày 02/10/2003 đã trưởng thành, bà A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A. Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Kim C – Sinh ngày 08/11/2006 cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con chung Nguyễn Thị Kim C trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Bà Nguyễn Thị A không yêu cầu ông Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Con chung Nguyễn Thị Thu D – Sinh ngày 02/10/2003 đã trưởng thành nên bà Phượng không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004720 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã H. Bà Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND thị xã H;
- THADS thị xã H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Nguyệt